

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ  
KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
đã được kiểm toán**  
*Năm tài chính bắt đầu từ  
ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012*





# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012.

## 1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Phạm Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT
- Ông: Lý Thanh Tùng	Thành viên
- Ông: Trương Tấn Lộc	Thành viên
- Ông: Trần Văn Thuộc	Thành viên
- Ông: Lê Văn Phước	Thành viên

Trong năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.

## 2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Trí Dũng	Trưởng ban kiểm soát
- Ông: Hà Nhơn Sâm	Thành viên
- Ông: Trịnh Hữu Phúc	Thành viên

Trong năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban kiểm soát.

## 3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Phạm Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
- Ông: Lý Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
- Ông: Đỗ Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Trần Xuân Diệu	Kế toán trưởng

Trong năm 2012 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban Tổng giám đốc.

## 4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 1D đường Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty có đầu tư vào hai Công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

### **Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Sơn, Hàng Bàng, Khu vực Lợi Nguyên, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Vốn điều lệ: 31.483.800.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 30.624.300.000 đồng, chiếm 97,27%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,27%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,27%.

*Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:*

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu.

### **Công ty CP Nông dược TSC (TSP);**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 51.575.000.000 đồng, chiếm 57,31%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,31%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,31%.

*Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:*

- Nhập khẩu, kinh doanh nguyên phụ liệu, thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật; phân bón; hạt giống các loại. Kinh doanh bao bì. Xuất khẩu thuốc bảo vệ thực vật, phân bón các loại;
- Nhập khẩu, kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng phục vụ cho sản xuất Nông nghiệp;
- Gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và các chế phẩm sinh học phục vụ cho sản xuất Nông nghiệp;
- Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, cho thuê kho bãi.

## **5. Lĩnh vực kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón, hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản;
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh xuất khẩu: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Sản xuất kinh doanh bao bì;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại;
- Thu mua, cung ứng xuất khẩu gạo;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi.

### 6. Mã chứng khoán niêm yết tại HOSE: TSC

### 7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 7 đến trang 28.

#### *Các kết quả tài chính hợp nhất*

- Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(53.932.126.973) VND
- Lỗ khác	(342.921.028) VND
- <b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(54.275.048.001) VND</b>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.672.223.833 VND
- <b>Tổng lỗ kế toán sau thuế</b>	<b>(56.947.271.834) VND</b>
- Lỗ sau thuế của cổ đông thiểu số	(1.017.709.059) VND
- Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ	(55.929.562.775) VND

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2012 giảm mạnh so với năm 2011 số tiền 241.438.203.211 đồng, tương đương 8,91%. Lợi nhuận kế toán hợp nhất trước thuế năm 2012 cũng giảm mạnh so với năm 2011 số tiền 90.642.981.188 đồng, tương đương 249,24%.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2012 bị lỗ là do những bất ổn và khó khăn về kinh tế nói chung và chính sách tiền tệ nói riêng của tình hình kinh tế thế giới. Thêm vào đó giá tồn kho cũng như nhập mua hàng hóa, nguyên liệu trong kỳ cao, trong khi giá bán tại thị trường trong nước không tăng tương ứng, thậm chí còn giảm dẫn đến tỷ lệ lãi gộp giảm đến 58,90%.

Hiện nay, tập thể Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Mẹ cùng các Công ty con đang cố gắng nỗ lực đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn này.

### 8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

### 9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

### 10. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**11. Ý kiến của Hội đồng Quản trị**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính được thể hiện trong báo cáo này không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối niên độ tài chính cho đến ngày lập báo cáo này.

Cũng theo ý kiến của Hội đồng quản trị, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Vào ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Cần Thơ, ngày 19 tháng 02 năm 2013

  
**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
  
**PHẠM VĂN TUẤN**



Số:14/2013/SVCT - BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật Tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, được lập ngày 08 tháng 02 năm 2013 từ trang 7 đến trang 28 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### **VĂN PHÒNG TP.HCM**

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Tel : (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 • Fax : (84-8) 3526 1359  
Email : svc-hcm@vnn.vn


#### **VĂN PHÒNG CẦN THƠ**

137 Trần Hưng Đạo, P.An Phú, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ  
Tel : (0710) 3765 999 • Fax : (0710) 3765 766  
Email : svc-ct@vnn.vn

## Ý kiến chấp nhận toàn phần

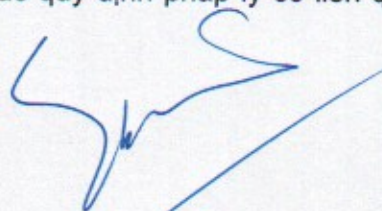
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



  
Nguyễn Quang Nhơn  
Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0325/KTV  
Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ  
Cần Thơ, ngày 19 tháng 02 năm 2013



Đặng Thị Thiên Nga  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0462/KTV





**CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>331.980.167.749</b>	<b>738.994.898.724</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>14.684.927.920</i>	<i>138.451.550.392</i>
1. Tiền	111		14.684.927.920	138.451.550.392
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.2</i>	<i>136.026.148.590</i>	<i>166.321.310.685</i>
1. Phải thu khách hàng	131		126.956.173.574	91.261.776.288
2. Trả trước cho người bán	132		11.903.652.360	64.405.025.895
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		786.322.656	10.807.134.411
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.620.000.000)	(152.625.909)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.3</i>	<i>174.292.475.171</i>	<i>411.492.620.755</i>
1. Hàng tồn kho	141		174.292.475.171	419.294.335.935
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(7.801.715.180)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>6.976.616.068</i>	<i>22.729.416.892</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		485.921.371	33.822.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.512.514.079	20.682.628.118
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	<i>V.4</i>	1.352.527.308	1.631.983.136
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		625.653.310	380.983.138
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>218.142.686.767</b>	<b>224.163.946.454</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>187.417.208.617</i>	<i>222.118.291.454</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	129.400.324.964	134.938.283.883
- Nguyên giá	222		186.326.900.549	178.347.512.187
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.926.575.585)	(43.409.228.304)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	39.427.296.171	66.091.319.342
- Nguyên giá	228		42.105.355.844	69.324.094.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.678.059.673)	(3.232.775.448)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>V.7</i>	18.589.587.482	21.088.688.229
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.8</i>	<i>2.045.655.000</i>	<i>2.045.655.000</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.045.655.000	2.045.655.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	<i>V.9</i>	<i>28.679.823.150</i>	<i>-</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		28.679.823.150	-
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	<i>269</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>550.122.854.516</b>	<b>963.158.845.178</b>

**CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>384.800.741.495</b>	<b>724.140.748.878</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>361.500.741.495</b>	<b>695.655.039.566</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	313.600.581.446	641.436.886.165
2. Phải trả người bán	312	V.11	14.656.960.334	33.049.521.873
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	321.529.689	429.735.693
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	2.682.247.523	1.019.950.985
5. Phải trả người lao động	315		10.238.421.605	9.318.318.911
6. Chi phí phải trả	316	V.13	1.213.236.645	805.744.871
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	12.956.175.367	5.119.590.826
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.831.588.886	4.475.290.242
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>23.300.000.000</b>	<b>28.485.709.312</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	23.300.000.000	28.300.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	185.709.312
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>127.109.058.838</b>	<b>199.483.243.371</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>127.109.058.838</b>	<b>199.483.243.371</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.129.150.000	83.129.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.389.610.000	2.389.610.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		127.728.500	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.807.416.804)	(3.807.416.804)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	127.728.500
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(663.101.717)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		68.074.741.725	59.540.014.190
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		28.630.863.998	28.630.863.998
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(51.435.618.581)	30.136.395.204
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>38.213.054.183</b>	<b>39.534.852.929</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>550.122.854.516</b>	<b>963.158.845.178</b>

**CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

<u>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
_ USD		405.114,76	3.974.690,35
_ EUR		516,84	538,68
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



**Bùi Đức Hoàn**  
Người lập



**Trần Xuân Điều**  
Kế toán trưởng




**Phạm Văn Tuấn**  
Tổng Giám đốc  
Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2013



**CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu số : B 03 - DN

**Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.576.764.377.647	2.633.086.747.489
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.403.206.442.788)	(2.460.813.466.650)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(26.699.667.623)	(22.837.682.193)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(79.419.157.952)	(84.744.738.639)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.585.305.528)	(6.026.890.312)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	431.887.370.878	35.152.577.502
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(277.793.177.552)	(94.473.433.994)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>219.947.997.082</b>	<b>(656.886.797)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.705.242.219)	(23.358.400.578)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	175.000.000	21.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(57.466.583.560)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	54.598.745.291
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.876.812.908	1.833.038.725
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.346.570.689</b>	<b>(29.672.200.122)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	16.570.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(3.807.416.804)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.373.364.382.674	2.803.787.186.706
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.709.704.852.036)	(2.735.590.639.328)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.708.708.250)	(8.104.742.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(345.049.177.612)</b>	<b>72.854.387.824</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(123.754.609.841)</b>	<b>42.525.300.905</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>138.451.550.392</b>	<b>96.752.900.962</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(12.012.631)</b>	<b>(826.651.475)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>14.684.927.920</b>	<b>138.451.550.392</b>

**Bùi Đức Hoàn**  
Người lập

**Trần Xuân Diệu**  
Kế toán trưởng



**Phạm Văn Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo Quyết định số 2500/QĐ – CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 83.129.150.000, tương ứng 8.312.915 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC	3.500.000	35.000.000.000	42,10%
- Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	57,90%
<b>Cộng</b>	<b>8.312.915</b>	<b>83.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2012 là 83.129.150.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

**2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc**

Trụ sở của Công ty đặt tại số 1D đường Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

Công ty có đầu tư vào hai Công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

**Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Sơn, Hàng Bàng, Khu vực Lợi Nguyên, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Vốn điều lệ: 31.483.800.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty Cp Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 30.624.300.000 đồng, chiếm 97,27%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,27%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,27%.

**Công ty CP Nông dược TSC (TSP);**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 51.575.000.000 đồng, chiếm 57,31%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,31%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,31%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón, hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản;
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh xuất khẩu: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Sản xuất kinh doanh bao bì;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại;
- Thu mua, cung ứng xuất khẩu gạo;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi.

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có**

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm 2012 được bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 31/12/2012.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan.

**2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 " Trình bày báo cáo tài chính".

3. **Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và hai Công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát được trình bày riêng biệt ở khoản mục "Lợi ích của cổ đông thiểu số" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích, các chính sách kế toán của Công ty mẹ và các Công ty con được hợp nhất áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước ngoại trừ việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái được nêu tại điểm IV.2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT – BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 " Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS 10).

Năm 2011, Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ theo Thông tư số 201/2009/TT – BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Sự khác biệt về xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo VAS 10 và Thông tư 201 được mô tả như sau:

<b>Nghiệp vụ</b>	<b>Xử lý kế toán theo VAS 10</b>	<b>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</b>
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư trong đầu kỳ kế toán tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục công nợ phải thu dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).
Đánh giá lại số dư cuối kỳ (năm) của các khoản mục công nợ phải trả dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái được phản ánh vào lãi hoặc lỗ trên kết quả kinh doanh trong kỳ (năm).	Trường hợp lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, hạch toán vào chi phí tài chính. Nếu ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch lỗ còn lại sẽ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ vào chi phí tài chính cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.  Trường hợp lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

**3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng lỗi thời, chậm luân chuyển và kém, mất phẩm chất cần lập dự phòng.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT – BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất (*)	48 năm
- Bản quyền nhãn thuốc	01 năm

(\*) Đây là Quyền sử dụng đất kho Long An có thời hạn. Thời gian khấu hao được tính theo thời hạn sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Riêng các quyền sử dụng đất do công ty mua nhưng trên giấy CNQSD đất có ghi thời hạn Công ty chưa trích khấu hao với tổng nguyên giá là 20.376.803.433.

#### **5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác**

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2012, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí thực tế như: chi phí thuê đất, chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ dụng cụ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương**

Công ty mẹ trích quỹ tiền lương năm 2012 theo Nghị quyết số 01/NQ.CPVTKTNN Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 tổ chức ngày 21/03/2012. Tổng quỹ lương năm 2012 là 9.000.000.000. Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh năm 2012 gặp nhiều khó khăn nên Công ty mẹ chỉ trích quỹ lương vào chi phí kinh doanh là 4.625.000.000 tương đương 51,30% tổng quỹ lương được duyệt.

Công ty con, Công ty cổ phần Nông dược TSC trích quỹ tiền lương căn cứ vào hợp đồng lao động.

Công ty con, Công ty cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây trích quỹ tiền lương năm 2012 theo Quyết định số 03/2012/QĐ.GĐ ngày 02/07/2012 của Giám đốc Công ty.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí hoa hồng, chi phí vận chuyển... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm**

Năm 2012, Công ty đã thôi trích Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Nghị định số 122/2011/NĐ - CP ngày 27/12/2011 do đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

**11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên. Đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, Công ty chưa chia cổ tức năm 2011.

**12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập và tờ khai hải quan hàng xuất khẩu khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

**13. Thuế**

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

**14. Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Tiền mặt	279.263.740	507.218.491
Tiền gửi ngân hàng	14.405.664.180 (a)	137.944.331.901
<b>Cộng</b>	<b>14.684.927.920</b>	<b>138.451.550.392</b>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

Ngân hàng	USD	EUR	VND	Tương đương VND
- Vietcombank, CN. Cần Thơ (TSC)	386.584,27	280,83	1.128.843.519	9.175.595.099
- Vietcombank, CN. Cần Thơ (Miền Tây)	15.784,43	236,01	1.166.099.088	1.501.072.414
- Vietcombank, CN. Cần Thơ (Nông Dược)	-	-	605.891.930	605.891.930
- Vietcombank, TP. HCM (TSC)	-	-	324.438.607	324.438.607
- Vietinbank, CN. Cần Thơ (TSC)	202,27	-	2.533.395.137	2.537.605.387
- Các ngân hàng khác	2.543,79	-	200.491.414	261.060.743
<b>Cộng</b>	<b>405.114,76</b>	<b>516,84</b>	<b>5.959.159.695</b>	<b>14.405.664.180</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Phải thu khách hàng	126.956.173.574 (b)	91.261.776.288
Trả trước cho người bán	11.903.652.360 (c)	64.405.025.895
Các khoản phải thu khác	786.322.656 (d)	10.807.134.411
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.620.000.000)	(152.625.909)
<b>Cộng</b>	<b>136.026.148.590</b>	<b>166.321.310.685</b>

(b) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

Khách hàng	Số tiền
- Phải thu khách hàng tại Công ty mẹ	89.813.289.546
- Phải thu khách hàng tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	25.724.162.500
- Phải thu khách hàng tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	11.418.721.528
<b>Cộng</b>	<b>126.956.173.574</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:

<u>Nhà cung cấp</u>	<u>Số tiền</u>
- Trả trước cho người bán tại Công ty mẹ	5.199.959.842
- Trả trước cho người bán tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	2.962.312.518
- Trả trước cho người bán tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	3.741.380.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.903.652.360</u></b>

(d) Chi tiết số dư trả các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Số tiền</u>
- Phải thu khác tại Công ty mẹ	601.804.306
- Phải thu khác tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	51.600.251
- Phải thu khác tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	132.918.099
<b>Cộng</b>	<b><u>786.322.656</u></b>

**3. Hàng tồn kho**

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	12.749.751.327 (e)	15.704.351.891
Công cụ, dụng cụ trong kho	470.545.408	283.051.165
Thành phẩm tồn kho	30.586.144.641 (f)	18.535.557.229
Hàng hóa tồn kho	130.486.033.795 (g)	384.771.375.650
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.801.715.180)
<b>Cộng</b>	<b><u>174.292.475.171</u></b>	<b><u>411.492.620.755</u></b>

(e) Chi tiết số dư nguyên vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Nguyên vật liệu tồn kho tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	6.436.909.673
- Nguyên vật liệu tồn kho tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	6.312.841.654
<b>Cộng</b>	<b><u>12.749.751.327</u></b>

(f) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Thành phẩm tồn kho tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	18.814.594.573
- Thành phẩm tồn kho tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	11.771.550.068
<b>Cộng</b>	<b><u>30.586.144.641</u></b>

(g) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Hàng hóa tồn kho tại Công ty mẹ	127.148.333.178
- Hàng hóa tồn kho tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	3.337.700.617
<b>Cộng</b>	<b><u>130.486.033.795</u></b>

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 7.801.715.180
- Giá trị hàng tồn kho đã dùng để thế chấp các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Khoản mục	31-12-2012	01-01-2012
Thuế TNDN nộp thừa	1.352.527.308 (h)	1.631.983.136
<b>Cộng</b>	<b>1.352.527.308</b>	<b>1.631.983.136</b>

(h) Chi tiết số dư thuế TNDN nộp thừa tại ngày 31/12/2012 như sau:

	Số tiền
- Thuế TNDN nộp thừa tại Công ty mẹ	1.303.113.135
- Thuế TNDN nộp thừa tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	49.414.173
<b>Cộng</b>	<b>1.352.527.308</b>

**5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Loại tài sản	01-01-2012	Tăng	Giảm	31-12-2012
<b>Nguyên giá</b>	<b>178.347.512.187</b>	<b>8.422.756.543</b>	<b>443.368.181</b>	<b>186.326.900.549</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	128.497.025.151	3.594.549.762	-	132.091.574.913
- Máy móc thiết bị	38.157.847.809	3.997.358.014	-	42.155.205.823
- Phương tiện vận tải	11.044.403.622	802.117.858	443.368.181	11.403.153.299
- Thiết bị quản lý	550.825.959	28.730.909	-	579.556.868
- TSCĐ khác	97.409.646	-	-	97.409.646
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>43.409.228.304</b>	<b>13.609.715.631</b>	<b>92.368.350</b>	<b>56.926.575.585</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	21.809.679.344	8.356.705.488	-	30.166.384.832
- Máy móc thiết bị	15.659.256.675	4.155.935.150	-	19.815.191.825
- Phương tiện vận tải	5.569.126.428	1.025.623.897	92.368.350	6.502.381.975
- Thiết bị quản lý	273.756.211	71.451.096	-	345.207.307
- TSCĐ khác	97.409.646	-	-	97.409.646
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>134.938.283.883</b>			<b>129.400.324.964</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	106.687.345.807			101.925.190.081
- Máy móc thiết bị	22.498.591.134			22.340.013.998
- Phương tiện vận tải	5.475.277.194			4.900.771.324
- Thiết bị quản lý	277.069.748			234.349.561
- TSCĐ khác	-			-

- Giá trị của TSCĐ đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản nợ vay: 11.607.597.375.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.336.638.773.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2012 chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

<i>Loại tài sản</i>	<i>01-01-2012</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>31-12-2012</i>
<b>Nguyên giá</b>	<b>69.324.094.790</b>	<b>3.429.867.573</b>	<b>30.648.606.519</b>	<b>42.105.355.844</b>
- Quyền sử dụng đất	68.902.421.224	3.429.867.573	30.648.606.519	41.683.682.278
- Bản quyền nhãn thuốc	136.363.635	-	-	136.363.635
- TSCĐ vô hình khác	285.309.931	-	-	285.309.931
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>3.232.775.448</b>	<b>857.540.371</b>	<b>1.412.256.146</b>	<b>2.678.059.673</b>
- Quyền sử dụng đất	2.947.465.517	721.176.736	1.412.256.146	2.256.386.107
- Bản quyền nhãn thuốc	-	136.363.635	-	136.363.635
- TSCĐ vô hình khác	285.309.931	-	-	285.309.931
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>66.091.319.342</b>			<b>39.427.296.171</b>
- Quyền sử dụng đất	65.954.955.707			39.427.296.171
- Bản quyền nhãn thuốc	136.363.635			-
- TSCĐ vô hình khác	-			-

Quyền sử dụng của Công ty hầu hết đều là đất có thời hạn sử dụng. Công ty đã trích khấu hao quyền sử dụng đất tại kho Long An. Thời gian khấu hao được tính theo thời hạn sử dụng ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<i>Khoản mục</i>	<i>31-12-2012</i>	<i>01-01-2012</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.589.587.482 (i)	21.088.688.229
<b>Cộng</b>	<b>18.589.587.482</b>	<b>21.088.688.229</b>

(i) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Chi phí XD CBDD tại Công ty mẹ	16.876.837.370
- Chi phí XD CBDD tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	1.712.750.112
<b>Cộng</b>	<b>18.589.587.482</b>

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

<i>Khoản mục</i>	<i>31-12-2012</i>	<i>01-01-2012</i>
Đầu tư dài hạn khác	2.045.655.000 (j)	2.045.655.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.045.655.000</b>	<b>2.045.655.000</b>

(j) Chi tiết số dư khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<i>Vốn điều lệ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của Công ty</i>	<i>Tương ứng số vốn sở hữu</i>	<i>Số vốn thực tế đầu tư</i>
- Công ty CP xếp dỡ và dịch vụ CSG	40.500.000.000	5%	2.025.000.000	2.045.655.000
<b>Cộng</b>	<b>40.500.000.000</b>		<b>2.025.000.000</b>	<b>2.045.655.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Chi phí thuê đất – Công ty CPNDTSC	28.679.823.150	-
<b>Cộng</b>	<b><u>28.679.823.150</u></b>	<b><u>-</u></b>

**10. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn**

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Vay ngắn hạn	313.600.581.446 (k)	641.436.886.165
Vay dài hạn	23.300.000.000 (l)	28.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>336.900.581.446</u></b>	<b><u>669.736.886.165</u></b>

(k) *Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn vào ngày 31/12/2012 như sau:*

	<u>Số tiền</u>
- Vay ngắn hạn tại Công ty mẹ	291.676.372.372
- Vay ngắn hạn tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	20.643.590.761
- Vay ngắn hạn tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	1.280.618.313
<b>Cộng</b>	<b><u>313.600.581.446</u></b>

(l) *Chi tiết số dư khoản vay dài hạn vào ngày 31/12/2012 như sau:*

	<u>Số tiền</u>
- Vay dài hạn tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	23.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>23.300.000.000</u></b>

**11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
Phải trả người bán	14.656.960.334 (m)	33.049.521.873
Người mua trả tiền trước	321.529.689 (n)	429.735.693
<b>Cộng</b>	<b><u>14.978.490.023</u></b>	<b><u>33.479.257.566</u></b>

(m) *Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:*

	<u>Số tiền</u>
- Phải trả người bán tại Công ty mẹ	778.650.120
- Phải trả người bán tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	9.048.832.370
- Phải trả người bán tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	4.829.477.844
<b>Cộng</b>	<b><u>14.656.960.334</u></b>

(n) *Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2012 như sau:*

	<u>Số tiền</u>
- Người mua trả tiền trước tại Công ty mẹ	320.660.712
- Người mua trả tiền trước tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	868.977
<b>Cộng</b>	<b><u>321.529.689</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
- Thuế GTGT	222.128.254	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.191.226.297	827.289.548
- Thuế thu nhập cá nhân	268.892.972	192.661.437
<b>Cộng</b>	<b><u>2.682.247.523</u></b>	<b><u>1.019.950.985</u></b>

**13. Chi phí phải trả**

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
- Chi phí phải trả	1.213.236.645 (o)	805.744.871
<b>Cộng</b>	<b><u>1.213.236.645</u></b>	<b><u>805.744.871</u></b>

(o) Chi tiết số dư chi phí phải trả tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Chi phí phải trả tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	1.213.236.645
<b>Cộng</b>	<b><u>1.213.236.645</u></b>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2012</u>	<u>01-01-2012</u>
- Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	12.956.175.367 (p)	5.119.590.826
<b>Cộng</b>	<b><u>12.956.175.367</u></b>	<b><u>5.119.590.826</u></b>

(p) Chi tiết số dư khoản phải trả khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Phải trả khác tại Công ty mẹ	12.643.828.264
- Phải trả khác tại Công ty con, Công ty CPNDTSC	64.778.742
- Phải trả khác tại Công ty con, Công ty CPCBTPXKMT	247.568.361
<b>Cộng</b>	<b><u>12.956.175.367</u></b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

<i>Khoản mục</i>	<u>01/01/2012</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31/12/2012</u>
- Vốn đầu tư của CSH	83.129.150.000	-	-	83.129.150.000
- Thặng dư vốn cổ phần	2.389.610.000	-	-	2.389.610.000
- Vốn khác của CSH	-	127.728.500	-	127.728.500
- Cổ phiếu quỹ	(3.807.416.804)	-	-	(3.807.416.804)
- Chênh lệch đánh giá lại ts	127.728.500	-	127.728.500	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(663.101.717)	8.239.896.878	7.576.795.161	-
- Quỹ đầu tư phát triển	59.540.014.190	8.534.727.535	-	68.074.741.725
- Quỹ dự phòng tài chính	28.630.863.998	-	-	28.630.863.998
- LN sau thuế chưa PP	30.136.395.204	15.250.707.431	96.822.721.216	(51.435.618.581)
<b>Cộng</b>	<b><u>199.483.243.371</u></b>	<b><u>32.153.060.344</u></b>	<b><u>104.527.244.877</u></b>	<b><u>127.109.058.838</u></b>

Vốn khác của chủ sở hữu tăng trong năm là do kết chuyển từ khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ giai đoạn cổ phần hóa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm là do phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 của Công ty mẹ.

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có  
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 300.000

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2012 như sau:*

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC	3.500.000	35.000.000.000	42,10%
- Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	57,90%
<b>Cộng</b>	<b>8.312.915</b>	<b>83.129.150.000</b>	<b>100,00%</b>

(b) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	83.129.150.000	83.129.150.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	83.129.150.000	83.129.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(c) *Cổ tức*

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có*
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có*
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) *Cổ phiếu*

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.312.915	8.312.915
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.312.915	8.312.915
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	8.312.915	8.312.915
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	300.000	300.000
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.012.915	8.012.915
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	8.012.915	8.012.915
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

**1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp**

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu bán hàng hóa	2.268.384.309.836	2.239.550.854.954	28.833.454.882	1,27%
- Doanh thu bán thành phẩm	193.620.947.451	137.781.125.816	55.839.821.635	28,84%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.730.055.667	606.931.612	6.123.124.055	90,98%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.468.735.312.954</b>	<b>2.377.938.912.382</b>	<b>90.796.400.572</b>	<b>3,68%</b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	364.162.793	1.833.038.725
- Lãi CLTG hồi đoái phát sinh	638.444.655	934.791.283
- Lãi phát sinh trong thanh toán	14.369.318.534	8.988.742.559
- Cổ tức	192.375.000	-
- Thu nhập tài chính khác	7.414.826	23.133.304
<b>Cộng</b>	<b>15.571.715.808</b>	<b>11.779.705.871</b>

**3. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	78.006.538.479	84.744.738.639
- Lỗ CLTG hồi đoái phát sinh, mua bán ngoại tệ	4.345.490.752	8.079.587.561
- Chi phí tài chính khác	422.097.135	297.303.967
<b>Cộng</b>	<b>82.774.126.366</b>	<b>93.121.630.167</b>

**4. Chi phí bán hàng**

Khoản mục	Năm nay
- Chi phí nhân viên quản lý	2.875.898.324
- Chi phí vật liệu bao bì	5.668.624.188
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.207.154.798
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.252.861.478
- Chi phí bằng tiền khác	2.594.023.236
<b>Cộng</b>	<b>48.598.562.024</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Khoản mục	Năm nay
- Chi phí nhân viên quản lý	15.463.980.999
- Chi phí vật liệu quản lý	78.672.653
- Chi phí đồ dùng văn phòng	171.375.384
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.371.061.113
- Thuế, phí và lệ phí	152.814.030

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>
- Chi phí dự phòng	3.606.009.030
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.082.425.963
- Chi phí bằng tiền khác	4.001.215.791
<b>Cộng</b>	<b><u>28.927.554.963</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu từ khoản thưởng, bồi thường	177.174.102	1.278.570.289
- Thanh lý tài sản	175.000.000	21.000.000
- Hoàn nhập số dư quỹ dự phòng TCMVL	127.287.313	-
- Thu nhập khác	3.897.091	10.858.112
<b>Cộng</b>	<b><u>483.358.506</u></b>	<b><u>1.310.428.401</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thanh lý tài sản	350.999.831	-
- Phạt vi phạm thuế	459.825.449	-
- Chi phí khác	15.454.254	19.132.521
<b>Cộng</b>	<b><u>826.279.534</u></b>	<b><u>19.132.521</u></b>

**8. Phân phối lợi nhuận**

<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2012</i>	<b>30.136.395.204</b>
<i>Lỗ kế toán trước thuế năm 2012</i>	<b>(54.275.048.001)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.672.223.833
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012</i>	<b>(56.947.271.834)</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(1.017.709.059)
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>	<b>(55.929.562.775)</b>
Nộp thuế TNCN (cổ tức 2010)	208.082.251
Chi các khoản chi sau thuế	1.134.468.724
Trích quỹ đầu tư phát triển từ LNST năm 2011	8.534.727.535
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2011	3.295.800.000
Chia cổ tức năm 2011	12.469.372.500
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2012</i>	<b>(51.435.618.581)</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lỗ kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(55.929.562.775)	30.714.134.621
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.012.915	8.191.204
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(6.980)</u></b>	<b><u>3.750</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):**

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

**2. Những thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty hoạt động liên tục trong tương lai

**3. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2012, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>
Ông Trương Tấn Lộc Bà Trần Ngọc Diễm		Thành viên HĐQT Vợ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

Số dư với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Ông Trương Tấn Lộc	Phải thu khách hàng – kinh doanh phân bón	4.039.758.000
Bà Trần Ngọc Diễm	Vay ngắn hạn	19.096.042.134

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Ông Trương Tấn Lộc	Doanh thu bán phân	2.242.000.000
Bà Trần Ngọc Diễm	Vay ngắn hạn	19.096.042.134
	Trả nợ vay	16.616.409.518
	Lãi vay	1.447.610.587

**4. Số liệu so sánh**

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

**5. Doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (Lĩnh vực kinh doanh)**

**5.1. Doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận tại Công ty Mẹ (Lĩnh vực kinh doanh)**

	<i>Doanh thu</i>	<i>Chi phí</i>	<i>Lợi nhuận</i>
Doanh thu phân bón	1.649.779.445.197	1.667.086.494.137	(17.307.048.940)
Doanh thu gạo	587.722.510.144	586.006.568.853	1.715.941.291
Doanh thu cung cấp dịch	5.346.777.324	632.887.262	4.713.890.062
Doanh thu tài chính	27.123.652.753	75.464.674.053	(48.341.021.300)
Doanh thu khác	177.174.102	454.254	176.719.848
<b>Cộng</b>	<b>2.270.149.559.520</b>	<b>2.329.191.078.558</b>	<b>(59.041.519.038)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**5.2. Doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận tại Công ty con, Công ty CP Nông được TSC (lĩnh vực kinh doanh)**

Nội dung	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận
Doanh thu phân bón	963.950.889	571.085.083	392.865.806
Doanh thu thuốc	64.810.431.134	61.021.583.815	3.788.847.319
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.383.278.343	137.220.642	1.246.057.701
Doanh thu tài chính	452.610.145	9.266.978.717	(8.814.368.572)
Doanh thu khác	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.610.270.511</b>	<b>70.996.868.257</b>	<b>(3.386.597.746)</b>

**5.3. Doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận tại Công ty con, Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (lĩnh vực kinh doanh)**

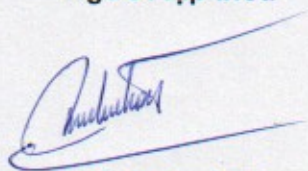
Nội dung	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận
Doanh thu nông sản CB	158.728.919.923	140.009.189.578	18.719.730.345
Doanh thu tài chính	801.386.662	650.515.348	150.871.314
Doanh thu khác	306.184.404	825.825.280	(519.640.876)
<b>Tổng cộng</b>	<b>159.836.490.989</b>	<b>141.485.530.206</b>	<b>18.350.960.783</b>

**6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	60,35	76,73
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	39,65	23,27
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,95	75,18
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	23,11	20,71
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,43	1,33
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,92	1,06
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,04	0,20
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	(2,18)	1,34
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	(2,29)	1,15
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(9,87)	3,78
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(10,35)	3,24
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	(44,00)	15,40

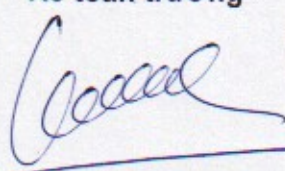
Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu



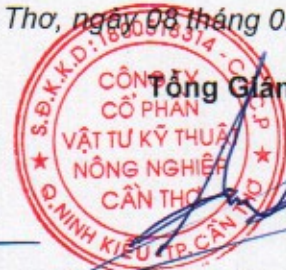
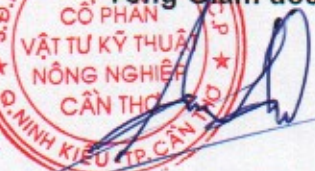
**BÙI ĐỨC HOÀN**

Kế toán trưởng



**TRẦN XUÂN ĐIẾU**

Tổng Giám đốc

**PHẠM VĂN TUẤN**